

Số: **160/2026/QĐST-DS**

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Đ 212 và Đ 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm Đ cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T3, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp A, xã M1, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 5 năm 2023)

- *Bị đơn*:

1/ Ông Lê Văn Q, sinh năm 1960;

2/ Bà Đoàn Thị G, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1950, chết năm 2025;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T:

1.1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950;

1.2/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977;

1.3/ Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982;

1.4/ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984;

Cùng cư trú: Thôn L, xã L1, thành phố Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, ông H, ông L, bà T: Bà Lê Thị L3, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2026)

1.5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1956, chết năm 2024;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông M:

2.1/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1957;

2.2/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1977;

2.3/ Ông Lê Văn N, sinh năm 1988;

2.4/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1990;

2.5/ Ông Lê Văn L, sinh năm 1993;

2.6/ Bà Lê Thị Út C, sinh năm 1996;

Cùng cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông T, ông N, ông C, ông L, bà C: Bà Lê Thị L3, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 7 năm 2026)

3/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1965, chết năm 2012;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông C:

3.1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956;

3.2/ Ông Lê Văn Thạch M, sinh năm 1988;

3.3/ Bà Lê Thị Mên E, sinh năm 1991;

3.4/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1993;

3.5/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1994;

3.6/ Bà Lê Thị Hương P, sinh năm 1998;

Cùng cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông M, bà E, ông T, bà P: Ông Lê Văn T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 7 năm 2024)

4/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ấp TV, xã TB, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp TV, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Bà Lê Thị S, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Bà Lê Thị L3, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Bà Lê Thị Th, sinh năm 1990;

8/ Ông Lê Minh C, sinh năm 1994;

Cùng cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long – Ông Trần Quốc C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 4, hiện nay gồm các thửa số 126, 113, 112, cùng tờ bản đồ số 27 và các thửa số 180, 188, cùng tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long, là di sản thừa kế của ông Lê Văn T4 và bà Hà Thị V.

2.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Văn Q đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 4, hiện nay gồm các thửa số 126, 113, 112, cùng tờ bản đồ số 27 và các thửa số 180, 188, cùng tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn T4 và bà Hà Thị V gồm có: 1/ Ông Lê Văn Đ; 2/ Ông Lê Văn Q; 3/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1950, chết năm 2025 (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T: Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Ngọc A); 4/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1956, chết năm 2024 (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M: Bà Phan Thị N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Út C); 5/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1965, chết năm 2012 (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C: Bà Nguyễn Thị P, ông Lê Văn Thạch M, bà Lê Thị Mên E, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hương P); 6/ Bà Lê Thị T; 7/ Bà Lê Thị S; 8/ Bà Lê Thị L3.

2.4. Thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T4 và bà Hà Thị V cho ông Lê Văn Đ được hưởng phần đất có diện tích 2767,7 m², thuộc thửa đất số 126 và phần đất có diện tích 15,8 m², thuộc thửa đất số 112, cùng tờ bản đồ 27, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long. Ông Lê Văn Q, bà Đoàn Thị G, bà Lê Thị Th, ông Lê Minh C có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Văn Đ các thửa đất này. *(Có họa đồ kèm theo)*

2.5. Thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T4 và bà Hà Thị V cho ông Lê Văn C được hưởng phần đất có diện tích 1522,8 m², thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ 27, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh Long, do hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C nhận, gồm vợ và các con của ông C là bà Nguyễn Thị P, ông Lê Văn Thạch M, bà Lê Thị Mên E, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hương P. Ông Lê Văn Q, bà Đoàn Thị G, bà Lê Thị Th, ông Lê Minh C có nghĩa vụ giao trả cho những người thừa kế của ông Lê Văn C thửa đất này. *(Có họa đồ kèm theo)*

2.6. Thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T4 và bà Hà Thị V cho ông Lê Văn Q được hưởng phần đất có diện tích 2382,5 m², thuộc thửa đất số 188 và phần đất có diện tích 533,0 m², thuộc thửa đất số 180, cùng tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T, xã T2, tỉnh Vĩnh

Long. Ông Lê Văn Q được quyền quản lý, sử dụng đối với các thửa đất này. (Có họa đồ kèm theo)

2.7. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được phân chia theo quy định pháp luật.

2.8. Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự là cây trồng trên phần đất phân chia cho người nào được hưởng thì người đó sở hữu, không yêu cầu hoàn trả giá trị chênh lệch. Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản là nhà ở và công trình kiến trúc trên đất. Đối với ngôi miếu trên thửa đất số 126 và mộ mã trên thửa đất số 112, tất cả con cháu được quyền thăm viếng, tảo mộ.

2.9. Về án phí:

- Ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.790.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm: Số tiền 3.460.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003780 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000086 ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001301 ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Đ có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 14.730.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị P, ông Lê Văn Thạch M, bà Lê Thị Mên E, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hương P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.278.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp. Ông M, bà E, ông T, ông T, bà P có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền là 8.565.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003753 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông M, bà E, ông T, ông T, bà P có nghĩa vụ liên đới nộp thêm số tiền là 6.690.000 đồng.

- Ông Lê Văn Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.680.000 đồng nhưng ông Q thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ.

2.10. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí tố tụng khác trong vụ án gồm có chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, thu thập trích lục bản đồ và quy trình cấp đất tổng cộng là 5.271.000 đồng do ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Q và những người thừa kế của ông Lê Văn C, mỗi bên có nghĩa vụ chịu một phần ngang nhau là 1.757.000 đồng. Trong đó, ông Lê Văn Đ và những người thừa kế của ông Lê Văn C đã nộp xong, phần của ông Lê Văn Q do ông Đ đã nộp tạm ứng trước nên ông Q có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ số tiền 1.757.000 này.

2.11. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Đ 468 Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Kim Ngân